

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Phúc**;

Bà **Phạm Thị Phương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 646/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Phúc H**, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/10/2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 2005 đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân của anh chị là tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu về nhà vô cớ gây gổ với chị, anh

H không còn lo lắng cho gia đình. Chị đã cố gắng khuyên can nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn, chị và anh H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 19/9/2006, Nguyễn Kim H, sinh ngày 23/8/2009 và Nguyễn Kim T, sinh ngày 23/8/2009, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Thảo và Hiếu, chị đồng ý giao con chung tên Tuyền cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H.

+ Giao con chung tên T cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao 02 con chung tên H và T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và cũng không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Phúc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị N và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh H chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn ngày 16/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do chị N cung cấp. Chị cho rằng quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn. Phía anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét yêu cầu và lời trình bày của chị N thấy rằng: Anh chị thực tế có mâu thuẫn với nhau trong một khoảng thời gian dài không điều hòa được. Chị N và anh H thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau, chị N không còn tình cảm với anh H và cương quyết ly hôn dù đã được động viên, hòa giải để đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 19/9/2006, Nguyễn Kim H, sinh ngày 23/8/2009 và Nguyễn Kim T, sinh ngày 23/8/2009. Con chung tên Tuyền có nguyện vọng muốn sống với cha, 02 con chung tên H và T có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Xét thấy, việc giao con chung tên T cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và giao hai con chung tên H và T cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con và cũng không cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề xét xử theo hướng, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị N đối với anh Nguyễn Phúc H. Chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Phúc H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Phúc H tiếp tục trông nom, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 19/9/2006. Chị Huỳnh Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Kim H, sinh ngày 23/8/2009 và Nguyễn Kim T, sinh ngày 23/8/2009. Ghi nhận chị Huỳnh Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Phúc H phải cấp dưỡng nuôi con và cũng không cấp dưỡng nuôi con đối với con chung tên Nguyễn Thị Bích T. Chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Phúc H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001262 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Huỳnh Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị N biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Cường